

ỨNG DỤNG HỘI NGHỊ MÔ PHÒNG NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH NỐI TIẾP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

Phạm Hồng Nhung¹

Email: phnhung@uneti.edu.vn, ORCID: 0009-0009-1226-6221

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2025. Ngày phản biện đánh giá: 06/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1291

Tóm tắt: Nghiên cứu này khám phá vai trò của hoạt động hội nghị mô phỏng trong phát triển kỹ năng phiên dịch nối tiếp của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Nghiên cứu tình huống được thực hiện với 42 sinh viên năm ba, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính từ bảng hỏi Likert 5 mức, quan sát, phỏng vấn và bài kiểm tra phiên dịch nói. Kết quả cho thấy hoạt động này có mối liên hệ tích cực với sự phát triển các kỹ năng như nghe hiểu, ghi chép, phân tích và diễn đạt, đồng thời góp phần nâng cao sự tự tin. Tuy nhiên, sinh viên vẫn gặp khó khăn ở tốc độ nói và khả năng ghi nhớ. Nghiên cứu gợi ý rằng hội nghị mô phỏng là hoạt động hữu ích trong đào tạo phiên dịch.

Từ khóa: phiên dịch nối tiếp, hội nghị mô phỏng, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

I. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, kỹ năng phiên dịch nối tiếp ngày càng quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, nhưng việc rèn luyện trong lớp học còn hạn chế do thiếu các tình huống thực tế. Nghiên cứu tình huống này được thực hiện nhằm khám phá việc ứng dụng hoạt động hội nghị mô phỏng trong một lớp học cụ thể tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, từ đó tìm hiểu vai trò của hoạt động này đối với sự phát triển kỹ năng phiên dịch nối tiếp của sinh viên, cũng như những khó khăn họ gặp phải trong

quá trình tham gia. Nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi sau:

- Hoạt động hội nghị mô phỏng ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kỹ năng phiên dịch nối tiếp của sinh viên năm ba chuyên ngành Ngôn ngữ Anh?

- Sinh viên gặp những khó khăn gì khi tham gia hoạt động hội nghị mô phỏng trong phiên dịch nối tiếp?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Phiên dịch nối tiếp

Phiên dịch là quá trình chuyển tải thông điệp nói từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích trong thời gian thực nhằm

¹ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Hà Nội, Việt Nam

đảm bảo sự hiểu biết giữa các bên giao tiếp. Theo Pöchhacker (2004), phiên dịch đòi hỏi không chỉ năng lực ngôn ngữ mà còn khả năng xử lý thông tin nhanh và chính xác. Trong các loại hình phiên dịch, phiên dịch nối tiếp được sử dụng phổ biến trong các cuộc họp, hội thảo hoặc đàm phán, khi người phiên dịch nghe một đoạn bài nói rồi chuyển tải lại nội dung sau khi diễn giả dừng lại.

Quá trình phiên dịch nối tiếp bao gồm nhiều hoạt động nhận thức diễn ra đồng thời như nghe hiểu, phân tích thông tin, ghi nhớ, ghi chép và diễn đạt. Theo Gile (2009), các yếu tố này tạo nên những “nỗ lực nhận thức” trong quá trình phiên dịch và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bản dịch. Trong đó, kỹ năng ghi chép đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trí nhớ và tổ chức thông tin. Rozan (2002) cho rằng việc ghi chép nên tập trung vào ý chính của bài nói thay vì ghi lại từng từ riêng lẻ, trong khi Gillies (2017) nhấn mạnh rằng hệ thống ghi chép có cấu trúc sẽ giúp người phiên dịch tái hiện nội dung bài nói rõ ràng và logic hơn.

Tuy nhiên, sinh viên học phiên dịch thường gặp một số khó khăn như theo kịp tốc độ nói của diễn giả, ghi nhớ thông tin dài, hoặc thiếu tự tin khi trình bày bản dịch trước lớp. Những khó khăn này cho thấy nhu cầu cần có các phương pháp giảng dạy mang tính thực hành để giúp sinh viên phát triển kỹ năng phiên dịch hiệu quả hơn.

2.2. Hội nghị mô phỏng trong phiên dịch nối tiếp

Trong đào tạo phiên dịch, các hoạt động học tập mô phỏng được xem là một phương pháp hiệu quả nhằm tạo ra môi trường học tập gần với thực tế nghề nghiệp.

Hội nghị mô phỏng là hoạt động trong đó sinh viên tham gia vào các tình huống giao tiếp giống với bối cảnh hội nghị thực tế, đảm nhận các vai trò như diễn giả, người điều phối và phiên dịch. Các nghiên cứu của Li (2015) và Conde và Chouc (2019) cho thấy hoạt động này giúp sinh viên có cơ hội thực hành phiên dịch trong bối cảnh giao tiếp thực tế hơn so với các bài tập truyền thống trên lớp.

Thông qua các buổi hội nghị mô phỏng, sinh viên có thể rèn luyện đồng thời nhiều kỹ năng quan trọng như nghe hiểu, phân tích thông tin, ghi chép và diễn đạt bản dịch. Đồng thời, việc tham gia vào môi trường mô phỏng cũng giúp sinh viên nâng cao sự tự tin và động lực học tập. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, sinh viên cũng có thể gặp một số khó khăn như áp lực tâm lý khi phiên dịch trước lớp, hạn chế về vốn từ vựng hoặc kỹ năng ghi chép.

Xét về mặt sư phạm, hoạt động hội nghị mô phỏng có thể được lý giải thông qua các lý thuyết học tập hiện đại. Theo Lave và Wenger (1991), học tập tình huống nhấn mạnh rằng người học phát triển năng lực hiệu quả hơn khi tham gia vào các bối cảnh thực tiễn. Bên cạnh đó, theo lý thuyết học tập trải nghiệm, Kolb (1984) cho rằng kiến thức được hình thành thông qua quá trình thực hành và phản hồi liên tục. Những cơ sở này góp phần giải thích vai trò của hội nghị mô phỏng trong việc hỗ trợ phát triển kỹ năng phiên dịch trong môi trường gần với thực tế.

Từ những cơ sở trên, có thể thấy hội nghị mô phỏng là một hoạt động có tiềm năng trong đào tạo phiên dịch. Tuy nhiên, các nghiên cứu về việc ứng dụng hoạt động này trong phát triển kỹ năng phiên dịch nối tiếp của sinh viên chuyên ngành

Ngôn ngữ Anh tại các trường đại học ở Việt Nam vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá vai trò của hoạt động hội nghị mô phỏng trong bối cảnh lớp học cụ thể, đồng thời tìm hiểu những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi tham gia các hoạt động này.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng tham gia

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu tình huống nhằm nghiên cứu sâu một trường hợp cụ thể trong một bối cảnh thực tế. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào một lớp gồm 42 sinh viên năm thứ ba chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường ĐHKTKTCN, hiện đang học phần Phiên dịch 2. Nhóm tham gia gồm 26 nữ và 16 nam, thuộc khóa 16 (các lớp DHNN16A1HN, DHNN16A2HN, DHNN16A3HN và DHNN16A1CL). Các sinh viên đã hoàn thành các học phần nền tảng và Phiên dịch 1, nên có kiến thức cơ bản và kinh nghiệm luyện tập kỹ năng nói, tạo tiền đề cho việc thực hành phiên dịch nối tiếp. Việc tham gia nghiên cứu là tự nguyện, thông tin được bảo mật và chỉ phục vụ mục đích học thuật. Quá trình triển khai và thu thập dữ liệu do tác giả trực tiếp thực hiện nhằm đảm bảo tính nhất quán. Nghiên cứu tập trung phân tích sự phát triển kỹ năng của sinh viên trong bối cảnh lớp học cụ thể này.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tình huống kết hợp định lượng và định tính. Dữ liệu định lượng được thu thập qua bảng hỏi gồm 15 mục theo thang Likert 5 mức độ, xây dựng dựa trên các nhóm kỹ năng phiên dịch nối tiếp (Gile, 2009;

Pöschhacker, 2004) và các nghiên cứu trước (Li, 2015; Conde & Chouc, 2019). Bảng hỏi được thử nghiệm và điều chỉnh để đảm bảo tính rõ ràng và phù hợp. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc, quan sát lớp học và bài kiểm tra phiên dịch nói, nhằm làm rõ trải nghiệm học tập và những khó khăn của sinh viên khi tham gia hoạt động hội nghị mô phỏng.

3.3. Quy trình thu thập dữ liệu

Quá trình thu thập dữ liệu diễn ra trong 10 tuần của học phần Phiên dịch 2 thông qua các hoạt động hội nghị mô phỏng. Sinh viên làm việc theo nhóm 4-5 người/nhóm, luân phiên đóng vai diễn giả và phiên dịch trong các buổi khoảng 45 phút, với chủ đề đa dạng (Anh-Việt/Việt-Anh). Hoạt động được quan sát trực tiếp nhằm ghi nhận sự phát triển các kỹ năng phiên dịch nối tiếp (nghe hiểu, ghi chép, phân tích, diễn đạt). Sau đó, sinh viên thực hiện bài kiểm tra phiên dịch nói và hoàn thành bảng hỏi 15 mục 5 mức độ. Đồng thời, 6 sinh viên được phỏng vấn bán cấu trúc để làm rõ trải nghiệm và khó khăn. Việc kết hợp các nguồn dữ liệu này giúp tăng độ tin cậy của nghiên cứu thông qua tam giác hóa.

3.4. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu từ bảng câu hỏi khảo sát được thu thập qua Google Forms và được phân tích dưới dạng tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) nhằm đánh giá mức độ đồng ý của sinh viên đối với từng nội dung. Kết quả được trình bày bằng các bảng biểu. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện trong các buổi hội nghị mô phỏng và

bài kiểm tra phiên dịch nói cuối kỳ được tổng hợp để đánh giá mức độ phát triển kỹ năng phiên dịch của sinh viên. Dữ liệu từ phỏng vấn và quan sát lớp học được phân tích theo hướng mô tả nhằm làm rõ hơn trải nghiệm và những khó khăn của sinh viên.

Bảng 1. Ảnh hưởng của hội nghị mô phỏng tới hoạt động phiên dịch nổi tiếp

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không Đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Kỹ năng phiên dịch nổi tiếp							
1. Tôi dễ dàng nhận diện ý chính của bài nói hơn sau hội nghị mô phỏng	1 (2,4%)	2 (4,8%)	20 (47,6%)	13 (31%)	6 (14,3%)	3,50	,890
2. Tôi phân tích cấu trúc thông tin bài dịch hiệu quả hơn.	4 (9,5%)	1 (2,4%)	16 (38,1%)	17 (40,5%)	4 (9,5%)	3,38	1,035
3. Tôi nâng cao được khả năng ghi nhớ (các số liệu, thuật ngữ và tên riêng).	3 (7,1%)	3 (7,1%)	18 (42,9%)	16 (38,1%)	2 (4,8%)	3,26	,939
4. Tôi biết cách ghi chú (viết tắt, ký hiệu) từ đó giúp tôi tái tạo bài nói chính xác hơn.	0 (0%)	3 (7,1%)	18 (42,9%)	16 (38,1%)	5 (11,9%)	3,55	,803
5. Tôi điều chỉnh giọng nói, tốc độ và ngữ điệu tốt hơn.	0 (0%)	1 (2,4%)	15 (35,7%)	23 (54,8%)	3 (7,1%)	3,67	,650
Tính thực tế và cách thiết kế hoạt động học tập							
6. Hoạt động mô phỏng phản ánh đúng các tình huống phiên dịch thực tế.	1 (2,4%)	0 (0%)	6 (14,3%)	27 (64,3%)	8 (19%)	3,98	,749
7. Hướng dẫn và yêu cầu nhiệm vụ rõ ràng, dễ thực hiện.	1 (2,4%)	2 (4,8%)	13 (31%)	17 (40,5%)	9 (21,4%)	3,74	,939
8. Tôi có đủ thời gian và tài liệu chuẩn bị cho mỗi buổi mô phỏng.	1 (2,4%)	3 (7,1%)	10 (23,8%)	19 (45,2%)	9 (21,4%)	3,76	,958
Cách phản hồi và tương tác trong dạy và học							
9. Phản hồi của giảng viên giúp tôi cải thiện kỹ năng phiên dịch.	0 (0%)	0 (0%)	5 (11,9%)	14 (33,3%)	23 (54,8%)	4,43	,703
10. Phản hồi từ bạn học giúp tôi nhận ra điểm mạnh và điểm yếu.	1 (2,4%)	0 (0%)	8 (19%)	15 (35,7%)	18 (42,9%)	4,17	,908
11. Không khí lớp học khuyến khích tôi tham gia tích cực.	1 (2,4%)	0 (0%)	10 (23,8%)	19 (45,2%)	12 (28,6%)	3,98	,869

Kết quả từ Bảng 1 cho thấy sinh viên nhìn chung đánh giá tích cực về ảnh hưởng của hội nghị mô phỏng, với giá trị trung bình (M) dao động từ 3,26 đến 4,43. Các kỹ năng cốt lõi (nghe hiểu, phân tích, ghi nhớ, ghi chép) đạt mức trung bình khá (M = 3,26-3,67), trong đó ghi nhớ thấp nhất, phản ánh

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Ảnh hưởng của hội nghị mô phỏng tới kỹ năng phiên dịch nổi tiếp

Bảng khảo sát đã được gửi đến các sinh viên tham gia. Sau khi thu thập phản hồi, kết quả dữ liệu được phân tích như sau:

khó khăn trong xử lý thông tin dài, còn diễn đạt cao hơn (M = 3,67). Ở nhóm thiết kế, hoạt động được đánh giá có tính thực tế cao (M = 3,98). Đặc biệt, phản hồi và tương tác đạt mức cao nhất (giảng viên: M = 4,43; bạn học: M = 4,17), cho thấy vai trò quan trọng của yếu tố này.

Kết quả này phù hợp với lý thuyết học tập tình huống (Lave & Wenger, 1991) và học tập trải nghiệm (Kolb, 1984), khi

sinh viên phát triển kỹ năng thông qua thực hành và phản hồi. Tuy nhiên, một số kỹ năng vẫn cần thời gian và luyện tập thêm.

Bảng 2. Kết quả quan sát của hội nghị mô phỏng theo tuần

Tuần	Nghe hiểu	Ghi chép/ghi nhớ	Phân tích	Diễn đạt	Chuẩn bị tài liệu	Phản ứng tâm lý	Nhận xét
1	Khó theo kịp	Ghi chép không kịp, hoặc không ghi gì	Chưa rõ ý	Ngập ngừng	Chưa chuẩn bị, chủ quan	Rất lo lắng, né tránh	Chưa quen
2	Hiểu rời rạc	Ghi từ khóa ít, hay quên	Nhận diện kém	Diễn đạt chậm	Chuẩn bị chưa tốt	Còn căng thẳng	Lúng túng
3	Nắm ý chính phần nào	Có ghi chép nhưng chưa biết trình bày, lúc nhớ lúc quên	Đã biết nhận diện nhưng còn chậm	Diễn đạt chậm do vốn từ ít	Có chuẩn bị nhưng chưa tìm hiểu kỹ	Còn căng thẳng	Chưa tiến bộ nhiều
4	Theo kịp hơn	Ghi rõ hơn, ghi nhớ theo ý	Biết cách phân tích ý, ngắn gọn hơn, ý tốt hơn.	Diễn đạt rõ hơn nhưng chuyển ý vẫn chưa tốt	Đọc kỹ tài liệu hơn, tìm hiểu cụm từ mới	Tự tin hơn	Bắt đầu tiến bộ
5	Ổn định hơn	Biết dùng ký hiệu, viết tắt, biết cách ghi nhớ	Chọn lọc ý chính	Ngôn từ rõ ràng hơn	Tìm hiểu mở rộng vốn từ theo chủ đề	Ít áp lực hơn	Tiến bộ hơn
6	Nhanh hơn	Có cấu trúc, tổng hợp thông tin, ghi nhớ hiệu quả hơn	Xử lý tốt	Ít ngập ngừng	Phát huy tính thần chủ động	Tương đối tự tin	Cải thiện
7	Thích nghi tốt	Ghi hiệu quả, nhớ logic	Phân tích có tính logic	Trôi chảy hơn	Chủ động tìm hiểu chủ đề, các tình huống có thể	Chủ động hơn	Ổn định
8	Chủ động nghe	Ghi nhanh, nhớ nhanh	Xử lý nhanh	Có lỗi nhưng không đáng kể	Chủ động tìm hiểu và luyện tập thêm	Tự tin	Tốt
9	Nắm chắc nội dung	Ghi chép và nhớ linh hoạt	Phân tích tốt	Diễn đạt tự nhiên	Tiếp tục phát huy tính chủ động	Thoải mái hơn	Gần đạt
10	Hiểu nhanh	Ghi chép và nhớ thông tin hiệu quả	Logic	Mạch lạc	Chuẩn bị tài liệu có tư duy, logic	Tự tin, chủ động	Tiến bộ tổng thể

Theo bảng kết quả quan sát theo tuần cho thấy sự tiến bộ rõ rệt của sinh viên trong quá trình tham gia hội nghị mô phỏng. Ở giai đoạn đầu (tuần 1-3), sinh viên gặp nhiều khó khăn trong nghe hiểu, ghi chép và diễn đạt, đồng thời còn thiếu tự tin. Tuy nhiên, từ tuần 4 trở đi, các kỹ năng

dần được cải thiện, đặc biệt là ghi chép có cấu trúc, phân tích thông tin và diễn đạt trôi chảy hơn. Đến tuần 8-10, sinh viên thể hiện sự chủ động, tự tin và khả năng xử lý thông tin tốt hơn. Kết quả này phản ánh quá trình phát triển kỹ năng thông qua thực hành và trải nghiệm liên tục.

Bảng 3. Điểm số bài kiểm tra hội nghị mô phỏng

Thang điểm	Mức độ thể hiện	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ %
0 - < 3,5	Thể hiện rất kém	0	0 %
3,5 - < 5,0	Thể hiện yếu	4	9,5 %
5,0 - < 7,0	Thể hiện trung bình	21	50 %
7,0 - < 8,0	Thể hiện tốt	13	31 %
>= 8,0	Thể hiện xuất sắc	4	9,5 %

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy phần lớn sinh viên đạt mức trung bình đến tốt khi thực hiện phiên dịch trong các buổi hội nghị mô phỏng. Cụ thể, 50% sinh viên đạt mức trung bình, 31% đạt mức tốt, và 9,5% đạt mức xuất sắc, trong khi 9,5% ở mức yếu và không có sinh viên ở mức rất kém.

Qua quan sát lớp học, sinh viên dần quen với quy trình phiên dịch như lắng nghe bài nói, ghi chép ý chính và trình bày bản dịch trước lớp. Tuy nhiên, một số sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc theo kịp tốc độ nói và ghi nhớ thông tin dài, dẫn đến kết quả chủ yếu tập trung ở mức trung bình.

Bảng 4. Điểm số bài kiểm tra dịch nói trên lớp

Thang điểm	Mức độ thể hiện	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ %
0 - < 3,5	Thể hiện rất kém	0	0 %
3,5 - < 5,0	Thể hiện yếu	6	14,3 %
5,0 - < 7,0	Thể hiện trung bình	13	31 %
7,0 - < 8,0	Thể hiện tốt	11	26,2 %
>= 8,0	Thể hiện xuất sắc	12	28,5 %

Từ số liệu trong Bảng 4, có thể thấy mức độ thể hiện của sinh viên có xu hướng cải thiện, với 28,5% đạt xuất sắc, 26,2% tốt và 31% trung bình, trong khi không có sinh viên ở mức rất kém. So với quá trình tham gia hội nghị mô phỏng, tỷ lệ đạt mức cao tăng lên, phản ánh sự tiến bộ trong ghi chép, xử lý thông tin và diễn

đạt. Tuy nhiên, một số sinh viên vẫn gặp khó khăn về ghi nhớ và xử lý thông tin. Kết quả này cũng được củng cố bởi dữ liệu phỏng vấn, khi 4/6 sinh viên (sv1, sv3, sv4, sv6) cho rằng hoạt động mang lại trải nghiệm gần với thực tế và giúp cải thiện khả năng nắm ý chính và ghi chép. Điều này phù hợp với các cơ sở

lý thuyết về xử lý thông tin và ghi chép trong phiên dịch (Gile, 2009; Rozan, 2002), cũng như học tập tình huống

và trải nghiệm (Lave & Wenger, 1991; Kolb, 1984).

4.2. Những khó khăn của sinh viên khi tham gia hoạt động hội nghị mô phỏng

Bảng 5. Các yếu tố cảm xúc

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
12. Tôi cảm thấy mình có khả năng diễn đạt bản dịch rõ ràng và chính xác.	0 (0%)	1 (2,4%)	19 (45,2%)	17 (40,5%)	5 (11,9%)	3,62	,731
13. Tôi cảm thấy bình tĩnh và thoải mái khi phiên dịch trước nhiều người.	1 (2,4%)	8 (19%)	14 (33,3%)	14 (33,3%)	5 (11,9%)	3,33	1,004
14. Các buổi mô phỏng giúp tôi có thêm động lực để cải thiện kỹ năng phiên dịch.	0 (0%)	0 (0%)	9 (21,4%)	25 (59,5%)	8 (19%)	3,98	,643
15. Tôi nghĩ các buổi mô phỏng nên được tích hợp thường xuyên vào môn Phiên dịch.	0 (0%)	1 (2,4%)	7 (16,6%)	17 (40,5%)	17 (40,5%)	4,19	,804

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 4, sinh viên có phản hồi khác nhau về yếu tố cảm xúc. Cụ thể, 52,4% cho rằng khả năng diễn đạt được cải thiện, nhưng tỷ lệ trung lập còn cao (45,2%). Chỉ 50% cảm thấy bình tĩnh khi phiên dịch trước nhiều người, cho thấy yếu tố tâm lý vẫn là thách thức. Tuy nhiên, 78,5% cho biết hoạt động mô phỏng giúp tăng động lực học tập và 81% mong muốn được áp dụng thường xuyên. Kết quả này phù hợp với Li (2015) và Conde và Chouc (2019) về vai trò của môi trường mô phỏng trong việc thúc đẩy sự tham gia của người học.

Dữ liệu phỏng vấn cũng phản ánh những khó khăn này, khi 2/6 sinh viên (sv2, sv5) cho biết vẫn cảm thấy lo lắng khi phiên dịch, đặc biệt trước bài nói

nhắn và thông tin dài. Ngoài ra, hạn chế về từ vựng cũng ảnh hưởng đến khả năng diễn đạt. Những kết quả này cho thấy yếu tố tâm lý và xử lý thông tin vẫn là thách thức đối với sinh viên.

V. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu tình huống này cho thấy hoạt động hội nghị mô phỏng có mối liên hệ tích cực với sự phát triển các kỹ năng phiên dịch nổi tiếp như nghe hiểu, ghi chép, phân tích và diễn đạt, đồng thời góp phần nâng cao sự tự tin và động lực học tập của sinh viên. Tuy nhiên, một số khó khăn vẫn tồn tại, đặc biệt ở tốc độ nói và khả năng ghi nhớ thông tin. Kết quả gợi ý rằng hội nghị mô phỏng là hoạt động có tiềm năng trong giảng dạy phiên dịch, nhất là khi kết hợp với hướng dẫn về chiến lược ghi chép và xử lý thông tin.

Do nghiên cứu chỉ thực hiện với một lớp 42 sinh viên trong 10 tuần, kết quả mang tính mô tả và chưa thể khái quát rộng. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng đối tượng và thời gian để có cái nhìn toàn diện hơn.

Tài liệu tham khảo

- Conde, J., & Chouc, F. (2019). Multilingual mock conferences: A valuable tool in the training of conference interpreters. *The Interpreters' Newsletter*, 24, 85-104. <https://www.openstarts.units.it/handle/10077/31264>.
- Gile, D. (2009). *Basic concepts and models for interpreter and translator training*. John Benjamins.
- Gillies, A. (2017). *Note-taking for consecutive interpreting: A short course*. Routledge.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
- Lave, J., & Wenger, E. (1991). *Situated learning: Legitimate peripheral participation*. Cambridge University Press.
- Li, X. (2015). Mock conference as a situated learning activity in interpreter training: A case study. *The Interpreter and Translator Trainer*, 9(3), 323-341. <https://doi.org/10.1080/1750399X.2015.1100399>.
- Pöschhacker, F. (2004). *Introducing interpreting studies*. Routledge.
- Rozan, J. F. (2002). Note-taking in consecutive interpreting. In A. Pym, M. Shlesinger, & D. Simeoni (Eds.), *The interpreting studies reader* (pp. 34-41). Routledge.

A STUDY ON THE APPLICATION OF MOCK CONFERENCES TO ENHANCE CONSECUTIVE INTERPRETING SKILLS AMONG ENGLISH-MAJORED STUDENTS AT A UNIVERSITY IN HANOI

Pham Hong Nhung¹

Abstract: *The study aims to explore the role of Mock conferences in improving consecutive interpreting skills among English-majored students at the University of Economics - Technology for Industries. The research was conducted using a case study method, combining quantitative and qualitative data, and focusing on a class of 42 third-year students enrolled in the Interpreting 2 course. Data were collected through Likert-scale questionnaires, classroom observations, semi-structured interviews, and oral interpreting tests to describe and analyze students' learning processes in a real-world context. The results show that Mock conferences are positively correlated with the development of interpreting skills such as listening comprehension, note-taking, analysis, and expression, while also enhancing students' confidence. However, some challenges remain, particularly in keeping up with speaking speed and memorizing information. The study suggests that Mock conferences are a useful activity in interpreting training.*

Keywords: *consecutive interpreting, mock conferences, English-majored students*

¹ University of Economics - Technology for Industries, Hanoi, Vietnam